TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2023/DS-ST Ngày 09 ngày 8 năm 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Sa Hoàng Nhật Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Đinh Dũng S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Vì Văn N2 (tên gọi khác là Vì Văn Đ), sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản N3, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đinh Dũng S trình bày:

Năm 2015, vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị N có đầu tư cho ông Vì Văn N2 (tên gọi khác là Vì Văn Đ) là con trai của ông Vì Văn S (P), trú tại Bản N3, xã P

để lấy tiền mua phân bón, giống, thuốc trừ sâu và một số đồ dùng phục vụ cho sinh hoạt gia đình và sản xuất nông nghiệp. Ngày 30/11/2015, hai bên tiến hành chốt nợ thể hiện tính đến ngày 30/11/2015 ông N2 còn nợ ông số tiền là 65.000.000VNĐ. Theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 30/11/2015, ông N2 hẹn thanh toán đủ số tiền còn nợ cho ông vào ngày 30/11/2016.

Sau đó, ông N2 có lấy thêm 17.500.000VNĐ, tổng số tiền nợ là 82.500.000VNĐ. Do không có tiền thanh toán, ông N2 đã trả bằng ngô có giá trị là 23.300.000VNĐ, còn nợ lại 59.200.000VNĐ. Từ thời điểm đó đến nay, ông N2 vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền còn nợ. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông N2 đều khất nợ, không có động thái thanh toán tiền cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị ông Vì Văn N2 (Vì Văn Đ) phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 59.200.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/11/2015 và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 30/11/2016 theo đến nay theo lãi xuất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị ông Vì Văn N2 (Vì Văn Đ) thanh toán số tiền nợ gốc là 59.200.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/11/2015 và không đề nghị tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Đinh Dũng S. Toàn bộ sự việc như ông S trình bày là đúng sự thật, các khoản cho vay vợ chồng bà có số sách đầy đủ, đề nghị Tòa án buộc ông Vì Văn N2 (Đ) phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 59.200.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/11/2015, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng ông Vì Văn N2 (Đ) không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện mặc dù đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không hợp tác. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Chấp nhận toàn một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Vì Văn N2 (Đ) phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S số tiền nợ gốc là 59.200.000VNĐ.

Về án phí: Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S khởi kiện yêu cầu ông Vì Văn N2 (Đ) phải thanh toán số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 30/11/2015 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Dũng S cho rằng nguồn gốc của số tiền cho vay là tài sản chung của ông S và vợ là Nguyên Thị N. Do đó Tòa án xác định bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên trong vụ án.

Các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện, ông Vì Văn N2 ký giấy vay tiền của ông Đinh Dũng S. Nguyên đơn cho rằng ông N2 là con trai ông Vì Văn S và có tên gọi khác là Vì Văn Đ. Tại giấy vay tiền ngày 20/12/2012, ngày 20/12/2014 giữa ông Vì Văn S và ông S thể hiện có anh Vì Văn N2 ký với tư cách con trai. Tại Biên bản bản làm việc ngày 26/6/2023, Công an xã P xác định Vì Văn N2 có tên cấp căn cước công dân là Vì Văn Đ. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn Vì Văn N2 có tên gọi khác là Vì Văn Đ.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Nguyên đơn cung cấp bản gốc giấy vay tiền đề ngày 30/11/2015 có chữ ký của ông Vì Văn N2, thể hiện ông Vì Văn N2 còn nợ số tiền 65.000.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương để làm việc nhưng bị đơn không hợp tác, không nêu quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Dũng S. Ông N2 không có ý kiến phản đối, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cố ý vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Theo giấy vay tiền ngày 30/11/2015 có nội dung ông N2 có trách nhiệm thanh toán đủ cho ông S vào ngày 30/11/2016. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa ông Đinh Dũng S và ông Vì Văn N2 (Đ) thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 30/11/2015 là có căn cứ, nội dung của giao dịch là hợp pháp, do đó cần được chấp nhận. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận.

Nguyên đơn cho rằng sau khi chốt nợ, ông N2 có vay thêm số tiền 17.500.000VNĐ và đã thanh toán bằng ngô trị giá 23.300.000VNĐ nên số tiền còn nợ là 59.200.000VNĐ. Tuy nhiên, nội dung vay thêm tiền chỉ mang tính liệt kê của ông S, không có chữ ký xác nhận của ông N2. Nội dung xác nhận việc thanh toán là tự nguyện của nguyên đơn nên cần trừ 23.300.000VNĐ vào số tiền gốc 65.000.000VNĐ hai bên đã chốt nợ ngày 30/11/2015. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông N2 phải thanh toán số tiền 59.200.000VNĐ, cần buộc ông Vì Văn N2 (Đ) có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 41.700.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị thanh toán lãi chậm trả. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

[3] Về án phí: Một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nhưng được miễn án phí do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Vì Văn N2 (Vì Văn Đ) phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 41.700.000VNĐ (Bốn mươi một triệu đồng bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Đinh Dũng S) cho đến khi thi hành án xong, ông Vì Văn N2 (Đ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc chậm trả do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn ông Vì Văn N2 (Vì Văn Đ) được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Văn Thịnh